

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 05/8/2021.

“V/v: Ly hôn giữa chị S và anh B”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Bà Hoàng Thị Quế.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Mão - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 05/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang. TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/5/2021. Về tranh chấp: *“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2021 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thị S**, sinh năm 1996;

- *Bị đơn:* Anh **Trà Văn B**, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: Làng V, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn nội dung khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân, nguyên đơn chị Đinh Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trà Văn B sau một thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân vào ngày 29/7/2016, anh, chị có Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Quá trình chung sống vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình nhau, không cùng nhau bàn bạc làm ăn, mỗi người một quan điểm sống, một suy nghĩ khác nhau và không tin tưởng lẫn nhau, anh B không lo làm ăn, suốt ngày cờ bạc, đề đóm, vũ phu với chị, vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã khiến cuộc sống hôn nhân căng thẳng, không có hạnh phúc; vợ chồng chị đã tự sống ly thân được hơn 02 năm nay. Nay chị không thể chung sống

với anh Ba được nữa, do mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên nay chị khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh B được ly hôn với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trà Đình Ly N, sinh ngày 25/4/2017 và Trà Đình Mỹ L, sinh ngày 16/4/2019, sau khi ly hôn chị đề nghị giao hai cháu cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu trưởng thành, có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh Ba phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2021 bị đơn anh Trà Văn B trình bày:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Đình Thị S vì con cái còn nhỏ quá cần sự chăm sóc của bố và mẹ; về con chung: Nếu phải ly hôn thì anh cũng muốn nuôi hai con chung cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động, anh không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, nên anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo và triệu tập anh B tham gia các phiên công khai chứng cứ và Hoà giải do Toà án tiến hành, nhưng bị đơn anh Ba không hợp tác, trốn tránh vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Do vụ án đã hai lần không tiến hành hoà giải được, vì bị đơn vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại hai phiên tòa, lần thứ nhất mở vào ngày 15/7/2021 và phiên tòa mở lần thứ hai vào ngày hôm nay, mặc dù đã được Toà án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến bị đơn anh B, nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đình Thị S - Trà Văn B (bản chính); 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Đình Thị S (bản sao); 01 Giấy CMND mang tên Đình Thị S (bản sao); 02 Giấy khai sinh mang tên Trà Đình Ly N, sinh ngày 25/4/2017 và Trà Đình Mỹ L, sinh ngày 16/4/2019 (bản sao);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Đình Thị S, sinh năm 1996 và anh Trà Văn B, sinh năm 1984 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 18/01/2018; anh chị có 02 con chung tên Trà Đình Ly N, sinh ngày 25/4/2017 và Trà Đình Mỹ L, sinh ngày 16/4/2019. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị S giao nộp đã được công khai trên và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Đình Thị S có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện K, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Trà Văn B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kb, tỉnh Gia Lai.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị S và anh B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai vào ngày 29/7/2016, nên quan hệ hôn nhân của anh chị hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn, trong cách đối nhân xử thế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung, nên cuộc sống căng thẳng không có hạnh phúc, vợ chồng anh, chị đã tự sống ly thân được hơn 2 năm nay, nên chị S đề nghị Tòa giải quyết cho chị và anh B được ly hôn với nhau.

Đối với bị đơn anh Trà Văn B mặc dù không đồng ý ly hôn với chị S vì anh cho rằng con cái còn nhỏ, tuy nhiên khi Tòa án đã thông báo và triệu tập anh B tham gia các phiên công khai chứng cứ và Hoà giải do Tòa án tiến hành, nhưng bị đơn anh B không hợp tác, trốn tránh vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX căn cứ quy định của Luật HN&GD năm 2014 để xử cho chị S và anh B được ly hôn với nhau.

[3] **Về con chung:** Chị S và anh B có 02 con chung tên Trà Đình Ly N, sinh ngày 25/4/2017 và Trà Đình Mỹ L, sinh ngày 16/4/2019. Sau khi ly hôn, chị S và anh B đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động và đều không yêu cầu bên không trực tiếp nuôi dưỡng không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét các điều kiện, hoàn cảnh, khả năng của chị S và anh B. HĐXX xét thấy con chung của anh chị còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của chị S, giao 02 con chung cho chị S được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn, do chị S không yêu cầu nên anh B không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị S và anh B đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] **Về án phí ly hôn sơ thẩm (LHST):** Chị S phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị S, xử cho chị S được ly hôn với anh Trà Văn B.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trà Đình Ly Na, sinh ngày 25/4/2017 và Trà Đình Mỹ L, sinh ngày 16/4/2019 cho chị Đinh Thị S được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị Sách không yêu cầu nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí LH-ST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003741 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai; chị S đã nộp đủ án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS Kbang;
- THA Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

Nơi nhận:

-TA tỉnh;

TÒA

-VKS KBang;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**

- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

Lê Văn Nguyên